

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST

Ngày: 21/9/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

Ông Nguyễn Ngọc Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn A;

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp G, xã P, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng 4.11 Lầu 4, tòa nhà Etown1, số 364 C, Phường 13, quận T, Thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Thị Thanh N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Bính K, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Phòng 4.11 Lầu 4, tòa nhà Etown1, số 364 C, Phường 13, quận T, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H;

Địa chỉ: Số 70/1 đường ấp 3, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Viêt T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Đường ấp 3, ấp Bình Chánh, xã T, huyện V, tỉnh Đ. (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020).

(Ông K và ông T có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Bình K trình bày:***

Công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi tắt Công ty A) và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H (sau đây gọi tắt là DNTN Nguyễn Phi H) có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau thông qua hợp đồng DVT034/NGUYENPHIHUNG/2016-01 ngày 01/01/2016. Theo đó, công ty A cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp cho DNTN Nguyễn Phi H theo từng đơn hàng. Đơn giá do công ty A báo giá bằng văn bản gửi cho DNTN Nguyễn Phi H. Số lượng và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do DNTN Nguyễn Phi H đặt hàng qua điện thoại. Hình thức thanh toán DNTN Nguyễn Phi H thanh toán bằng chuyển khoản cho công ty A trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng thể hiện trên hóa đơn. Trường hợp Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên thì DNTN Nguyễn Phi H phải thanh toán thêm lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty A. Tuy nhiên quá trình sản xuất kinh doanh, DNTN Nguyễn Phi H thực hiện không đúng thỏa thuận theo hợp đồng đã ký, nên phát sinh công nợ. Cụ thể: Hóa đơn số 06326 ngày 05/5/2018 đơn giá là 62.609.976đ ngày thanh toán là 03/7/2018; Hóa đơn số 07144 ngày 04/6/2018 đơn giá là 96.059.964đ ngày thanh toán là 01/8/2018; Hóa đơn số 07254 ngày 08/6/2018 đơn giá là 90.884.970đ ngày thanh toán là 06/8/2018; Hóa đơn số 09317 ngày 05/9/2018 đơn giá là 54.959.982đ ngày thanh toán là 04/11/2018. Tính đến ngày 04/11/2018, DNTN Nguyễn Phi H còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là tổng cộng là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng).

Tiền lãi theo thỏa thuận tại khoản 5.3, Điều 5 và khoản 12.2 Điều 12 của hợp đồng DVT034/NGUYENPHIHUNG/2016-01 ngày 01/01/2016 tính đến ngày 22/5/2020 công ty A yêu cầu DNTN Nguyễn Phi H thanh toán số tiền lãi là 196.510.864đ (một trăm chín sáu triệu năm trăm mười ngàn tám trăm sáu tư đồng). Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi và giảm số tiền lãi chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày xét xử với số tiền lãi là 121.530.269 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng).

Công ty A khởi yêu cầu ông Nguyễn Phi H – Chủ DNTN phải thanh toán số tiền nợ gốc 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng), tiền lãi 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng). Tổng cộng là 426.045.161đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng) và tiền lãi tiếp theo đến khi thanh toán xong khoản nợ.

***\* Tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Việt T trình bày:***

Bị đơn thống nhất với lời khai của nguyên đơn về việc Công ty A và DNTN Nguyễn Phi H có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau thông qua Hợp đồng mua bán số DVT034/NGUYENPHIHUNG/2016-01 ngày 01/01/2016. DNTN Nguyễn Phi H mua các sản phẩm keo công nghiệp của Công ty A. Phương thức đặt hàng qua

điện thoại, thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng. Lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả.

Tính đến ngày 4/11/2018, DNTN Nguyễn Phi H còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phi H – chủ DNTN trả số tiền nợ mua hàng là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng), tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng tính đến ngày xét xử là 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng). Bị đơn thừa nhận số nợ tiền mua hàng và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên do hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn trong làm ăn kinh doanh nên bị đơn xin chỉ thanh toán tiền nợ mua hàng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng), thanh toán dần theo từng tháng, mỗi tháng thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho đến khi hết số nợ mua hàng là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng). Đối với tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng là 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng) bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn cho bị đơn, không thanh toán tiền lãi vì hiện tại phía bị đơn đang gặp khó khăn.

***\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357 và Điều 401 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại 2005; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A, buộc ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 426.045.161đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng).

Về án phí: Ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H phải chịu án phí đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định. Hoàn lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H có địa chỉ tại: Số 70/1 đường ấp 3, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317 của Luật Thương mại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H thanh toán số tiền mua hàng hóa và lãi chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên đã ký nên xác định đây vụ án Kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và Điều 24 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của đại diện bị đơn trong quá trình giải quyết, xác định: Giữa Công ty A Đồng Nai và DNTN Nguyễn Phi H có ký hợp đồng nguyên tắc số: DVT034/NGUYENPHIHUNG/2016-01 ngày 01/01/2016. Theo hợp đồng, Công ty A bán cho DNTN Nguyễn Phi H các sản phẩm keo công nghiệp; Số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng, hình thức đặt hàng, thông qua điện thoại, phương thức thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện không bên nào bị ép buộc, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên tham gia ký kết. Sau khi ký hợp đồng Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H đã nhiều lần đặt hàng tại Công ty A theo nội dung hợp đồng đã ký kết, Công ty A cũng đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa DNTN Nguyễn Phi H. Đến ngày 04/11/2018 DNTN Nguyễn Phi H còn nợ lại Công ty TNHH A Đồng Nai số tiền 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng) của 04 hóa đơn.

Từ ngày 04/11/2018 Công ty A nhiều lần yêu cầu DNTN Nguyễn Phi H thanh toán số nợ trên nhưng DNTN Nguyễn Phi H vẫn không thanh toán nên Công ty A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phi H – chủ Doanh nghiệp tư nhân trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

Đại diện bị đơn thừa nhận số nợ tiền mua hàng và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên do hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn trong làm ăn kinh doanh nên bị đơn xin chỉ thanh toán tiền nợ mua hàng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng), thanh toán dần theo từng tháng, mỗi tháng thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), cho đến khi hết số nợ mua hàng 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng). Đối với tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng là 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi

ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng) bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn cho bị đơn, không thanh toán tiền lãi.

*Về yêu cầu tính lãi:* Căn cứ vào điểm 5.3, Điều 5 và khoản 12.2 Điều 12 của hợp đồng DVT034/NGUYENPHIHUNG/2016-01 ngày 01/01/2016 thỏa thuận lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả.

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ngày 01/02/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất 0,1%/ngày là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giảm số tiền lãi chỉ yêu cầu số tiền là 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng), xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A buộc Ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc là 304.514.892đ (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng) và tiền lãi là 121.530.269đ (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng), tổng cộng là 426.045.161đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày tiếp theo.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán 426.045.161đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng) số tiền án phí là 21.041.806đ (hai mươi một triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm linh sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357; Điều 401 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 50; khoản 5 Điều 297; Điều 306 và Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005;
- Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A với bị đơn ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 426.045.161 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 304.514.892 đồng (ba trăm linh bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm chín hai đồng), tiền lãi là 121.530.269 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phi H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Phi H phải chịu số tiền 21.041.806 đồng (hai mươi một triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm linh sáu đồng).

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền tạm ứng án phí 12.020.500 đồng (mười hai triệu không trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0003940 ngày 12/6/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**